

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG GIA ĐÌNH LÀ NHÀ

I. THÔNG TIN CƠ BẢN.

1. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm.

- **Tên doanh nghiệp:** Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir (MAP Life)
- **Giấy phép số:** 31 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/3/2005, điều chỉnh tại Giấy phép số 31/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8/5/2018
- **Lĩnh vực kinh doanh:** Bảo hiểm nhân thọ
- **Vốn điều lệ:** 2.158 tỷ VNĐ
- **Trụ sở tại:** Tầng 18, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** +84 24 3934 4939

2. Thông tin về Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.

	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Số CMND	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm:	PO	Nam	14/11/1984	35		
Người được bảo hiểm chính:	LI	Nam	01/01/1989	30		
Người được bảo hiểm bổ trợ	LI	Nam	01/01/1989	30		
Người được bảo hiểm bổ trợ	PO	Nam	14/11/1984	35		

Tuổi

3. Thông tin về sản phẩm bảo hiểm.

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm	Thời hạn Hợp đồng/ Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm cơ bản (*)	Phí bảo hiểm đóng thêm (*)	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ trợ (*)
Bảo hiểm liên kết chung Gia Đình Là Nhà – Kế hoạch A + Quyền lợi bổ sung (**)	LI	37/20				
	LI	36/20				
Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện – 2	LI	1/1				
Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo	LI	1/1				
Bảo hiểm hỗ trợ TV, TTTBVV do tai nạn	LI	1/1				
Bảo hiểm hỗ trợ Thương tật vĩnh viễn do tai nạn	LI	1/1				
Bảo hiểm hỗ trợ thu nhập	PO	17/17				
Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo nâng cao	LI	1/1				

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM CHÍNH VÀ SẢN PHẨM BỔ TRỢ

Định kỳ đóng phí	Năm
Phí bảo hiểm dự kiến (***)	
Tổng phí bảo hiểm Sản phẩm bổ trợ (****)	
Tổng Phí bảo hiểm dự kiến Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ	

Bên mua bảo hiểm: PO
Nhân viên tư vấn: Nguyễn Đức Hải
Ngày in: 01/08/2018 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

Phí bảo hiểm được trình bày trên là phí được tính cho người có sức khỏe chuẩn theo quy định của Công ty. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa vào kết quả thẩm định.

(*) Theo định kỳ đóng phí năm.

(**) Quyền lợi bảo hiểm bổ sung bao gồm quyền lợi tử vong/TTTBVV do tai nạn, do Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

(***) Phí bảo hiểm dự kiến bao gồm Phí bảo hiểm định kỳ và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).

(****) Tổng phí bảo hiểm Sản phẩm bổ trợ sẽ được thu theo định kỳ đóng phí năm.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm.

1.1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:

- ✓ **Quyền lợi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn**
 - Kế hoạch A: Giá trị cao hơn giữa Số tiền bảo hiểm với Giá trị tài khoản hợp đồng
 - Kế hoạch B: Tổng giá trị của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng
- ✓ **Quyền lợi bổ sung:** Bên mua bảo hiểm có thể chọn thêm Quyền lợi này khi tham gia bảo hiểm, Công ty có thể chi trả thêm số tiền lên đến 500% Số tiền bảo hiểm sản phẩm chính tùy thuộc lựa chọn của khách hàng khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.

1.2. Quyền lợi đầu tư:

- ✓ **Quyền lợi hưởng lãi đầu tư từ Quỹ liên kết chung:** được hưởng lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung và tối thiểu không thấp hơn 2%/năm.
- ✓ **Các quyền lợi khác: Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng:**

Năm hợp đồng	4	8	12	16	20
Tỷ lệ phần trăm(%) trung bình Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ hàng năm	6	12	18	24	30

- ✓ **Quyền lợi đáo hạn:** Công ty sẽ thanh toán Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng cho Người Thụ Hưởng.

2. Các quyền của Bên mua bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung:

- ✓ **Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm hợp đồng thứ hai, Bên mua bảo hiểm có quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng.
- ✓ **Quyền tạm ứng từ Giá trị hoàn lại:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm Hợp đồng thứ hai, Bên mua bảo hiểm có thể tạm ứng một phần số tiền từ Giá trị hoàn lại của hợp đồng cho những nhu cầu chi tiêu cấp bách.
- ✓ **Quyền lựa chọn Ngày đáo hạn Hợp đồng:** Bên mua bảo hiểm có quyền linh hoạt lựa chọn thời điểm đáo hạn hợp đồng tại tuổi 66 hoặc 100 của Người được bảo hiểm.
- ✓ **Quyền đóng phí bảo hiểm đóng thêm:** Ngoài phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để hưởng lãi đầu tư.

Bên mua bảo hiểm: PO
Nhân viên tư vấn: Nguyễn Đức Hải
Ngày in: 01/08/2018 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

- ✓ **Quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và nhận Giá trị hoàn lại (nếu có).
- ✓ **Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm hợp đồng thứ năm, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm phù hợp với quy định Công ty tại từng thời điểm.

3. Các loại chi phí:

Phí ban đầu:

Là phần phí bảo hiểm được Công ty khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng. Tùy theo từng Năm hợp đồng. Phí ban đầu được xác định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ trên Phí bảo hiểm cơ bản (%)	55	40	25	20	10	7	7	4	4	2
Tỷ lệ trên Phí bảo hiểm đóng thêm (%)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Phí quản lý hợp đồng:

Là khoản chi phí được khấu trừ vào đầu mỗi tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để quản lý Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng là 25.000 đồng/tháng và có thể thay đổi nhưng không vượt quá 45.000 đồng/tháng.

Phí quản lý quỹ:

Là khoản chi phí được dùng cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung và được khấu trừ từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung trước khi công bố lãi suất đầu tư và áp dụng cho Giá trị tài khoản hợp đồng. Phí quản lý quỹ là 2%/năm.

Phí hủy bỏ hợp đồng

Là khoản chi phí phát sinh khi Bên mua bảo hiểm hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn để nhận Giá trị hoàn lại. Phí hủy bỏ hợp đồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trung bình Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm, cụ thể như sau:

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ (%)	100	100	100	100	80	60	40	20	10	0

Phí rút tiền:

Là khoản chi phí phát sinh khi Bên mua bảo hiểm rút một phần tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng được xác định như sau:

Bên mua bảo hiểm: PO
Nhân viên tư vấn: Nguyễn Đức Hải
Ngày in: 01/08/2018 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

- a. Rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản: Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản dựa trên Phí hủy bỏ hợp đồng nhân với tỷ lệ giữa số tiền yêu cầu rút và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm rút.
- b. Rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm: Miễn phí rút tiền.

Phí bảo hiểm rủi ro:

Là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại:

Bên mua bảo hiểm phải thanh toán khoản lãi phát sinh trên khoản tạm ứng do Công ty công bố tại từng thời điểm.

4. Tỷ suất đầu tư dự kiến:

Lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung trung bình trong 5 năm gần nhất tương ứng 6%/năm (sau khi đã trừ Phí quản lý quỹ) và tối thiểu không thấp hơn 2%/năm.

Tỷ suất đầu tư có thể tăng hoặc giảm.

5. Các quyền lợi của sản phẩm bổ trợ

• **Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện**

- ✓ Hỗ trợ 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện.
- ✓ Chi trả lên đến 60 ngày mỗi năm, 9 ngày cho mỗi lần nằm viện.

• **Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo**

- ✓ Chi trả 100% STBH nếu không may Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc phải 1 trong 20 bệnh hiểm nghèo được quy định trong Quy tắc điều khoản hợp đồng.

• **Bảo hiểm hỗ trợ TV, TTTBVV do tai nạn**

- ✓ Chi trả 100% STBH đồng cho các trường hợp tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn gây ra.
- ✓ Linh hoạt lựa chọn Số tiền bảo hiểm

• **Bảo hiểm hỗ trợ Thương tật vĩnh viễn do tai nạn**

- ✓ Thanh toán Quyền lợi tối đa 100% STBH cho các trường hợp thương tật do tai nạn gây ra.

• **Bảo hiểm hỗ trợ thu nhập**

- ✓ Hỗ trợ khoản tiền định kỳ 10.000.000 đồng hàng năm đến hết thời hạn của Bảo hiểm hỗ trợ thu nhập cho Người thụ hưởng trong trường hợp Người được bảo hiểm bị Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- **Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo nâng cao**

- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo cho trẻ em: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ, tối đa 500.000.000 đồng
- ✓ Quyền lợi bảo hiểm biến chứng bệnh tiểu đường: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ, tối đa 500.000.000 đồng
- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ, tối đa 500.000.000 đồng mỗi lần chi trả. Công ty sẽ chi trả tối đa 4 lần cho quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối: chi trả 100% Số tiền bảo hiểm sau khi trừ đi các quyền lợi đã chi trả trước đó (nếu có).

III. BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn VNĐ

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến (1)	Phí bảo hiểm lũy kế đã đóng	Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng (2)	Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 5,0% (5)			Tại mức lãi suất 7,0% (5)			Khoản tiền rút Ra
				Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	
1/30													

Ghi chú:

- (1) Phí bảo hiểm dự kiến bao gồm phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) dựa trên giả định khách hàng có sức khỏe tốt.
- (2) Thưởng duy trì hợp đồng trong trường hợp Bên mua đóng đầy đủ tất cả các kỳ phí bảo hiểm đến hạn và không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.
- (3) Giá trị tài khoản được hình thành từ Phí bảo hiểm cơ bản, phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và khoản thưởng duy trì hợp đồng sau khi khấu trừ Phí ban đầu, các khoản khấu trừ khác (nếu có) cộng với Lãi đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và được tính toán tại thời điểm cuối năm.
- (4) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận lại khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn và được tính toán tại thời điểm cuối năm.
- (5) Quyền lợi minh họa tại lãi suất 5,0% và 7,0% là không đảm bảo, Lãi suất thực tế công bố trên website của công ty.

IV. BẢNG MINH HỌA CÁC CHI PHÍ TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

Bên mua bảo hiểm: PO
Nhân viên tư vấn: Nguyễn Đức Hải
Ngày in: 01/08/2018 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Giá trị minh họa tại lãi suất cam kết								Giá trị tài khoản tại mức lãi suất 7%
	Phí bảo hiểm dự kiến	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí phân bổ (1)	Quyền lợi bảo hiểm bổ sung (2)	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết	
1/30									

Ghi chú:

- (1) Phí phân bổ là khoản tiền còn lại sau khi khấu trừ phí ban đầu, được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
- (2) Quyền lợi bảo hiểm bổ sung bao gồm quyền lợi tử vong/TTTBVV do tai nạn, do Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

V. XÁC NHẬN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG		XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM	
<i>Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm này. Tôi xác nhận đã được Nhân viên tư vấn có tên và mã số như trong tài liệu này tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên.</i> <i>Tôi, bên mua bảo hiểm, xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung Gia Đình Là Nhà cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên.</i>		<i>Tôi, nhân viên tư vấn ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho Khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung Gia Đình Là Nhà và nội dung Bảng minh họa này.</i>	
Chữ ký:		Chữ ký:	
Họ và tên:	PO	Họ và tên:	Hoàng Tuyết Hoa
Ngày/tháng/năm:	01/08/2018	Mã số:	000001
		Ngày/tháng/năm:	01/08/2018

Bên mua bảo hiểm: PO
Nhân viên tư vấn: Nguyễn Đức Hải
Ngày in: 01/08/2018 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang